

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2019
“*V/v ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Nguyễn Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh Tân;
2. Ông Huỳnh Phú Ba;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Văn Minh, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện C, tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18/02/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2016/QĐXX - ST, ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: **Trịnh Xuân N**, sinh năm 1981;

Bị đơn: **Nguyễn Thị Tú Q**, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: ấp Tân T, xã Tân N, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/12/2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Trịnh Xuân N trình bày:

Về hôn nhân: vào năm 2007, anh N và chị Q quen biết nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2011. Đến năm 2017 thì phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến lối sống không hạnh phúc, vợ chồng cố gấn hàn gắn lại nhưng không được. Anh N và chị Q sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay, anh N không còn tình cảm với chị Q nữa nên yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Tú Q.

Về con chung: có 01 con là Trịnh Thị Thanh T, sinh năm 2008. Anh Trịnh Xuân Nghi tự nguyện giao cháu Tr cho chị Q nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh N tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu T đến tuổi trưởng thành.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 4 năm 2019 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Thị Tú Q trình bày:

- Về hôn nhân: Chúng tôi do mai mối tiến tới hôn nhân không đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đ vào năm 2011. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Trịnh Thị Thanh T, sinh năm 2008 hiện đang sống với chị Q. Trong quá trình chung sống chúng tôi không xảy ra mâu thuẫn gì cả nhưng do anh N có người con gái khác bên ngoài rồi anh N bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh làm không về thăm vợ con khoảng 2 năm nay. Hiện, chị Q còn tình cảm với anh N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung:chị Q yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 19 tháng 4 năm 2019, cháu Trịnh Thị Thanh T có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Tú Q sau khi ly hôn.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015 bị đơn không thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia hoà giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Đây là vụ án vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con, khi ly hôn. thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1]- Về quan hệ vợ chồng:

Anh Trịnh Xuân N và chị Nguyễn Thị Tú Q do quen biết tiến tới hôn nhân, không tổ chức cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đ được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh N và chị Q sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp nữa mặc dù anh N đã cố gắng nối lại tình cảm vợ chồng. Anh N và chị Q đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Anh N xác định không còn tình cảm với chị Q nên yêu cầu ly hôn với chị. Tại bản khai ngày 19 tháng 4 năm 2019, chị Q cho rằng giữa chị anh N không không có mâu thuẫn gì hết chỉ có việc anh N có người phụ nữa khác bên ngoài nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai. Anh N bỏ đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh lâu lâu mới về nên giữa chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Chị Q cũng xác định vẫn còn tình cảm với anh N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trường hợp buộc chị ly hôn với anh N thì chị cũng đồng ý.

Điều 56 luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định như sau:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

.....”

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại anh N và chị Q sống ly thân cũng đã lâu nhưng anh chị vẫn không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, quan hệ hôn

nhân giữa anh Nghi và chị Q muốn bền vững thì phải trên cơ sở tự nguyện, lòng chân thành, cảm thông chia sẻ với nhau thì mới hạnh phúc được. Tại phiên tòa hôm nay anh N đã xác định không còn tình cảm với chị Q nên không đồng ý trở về đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cách nào động viên anh N quay lại chung sống được nữa.

Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh N và chị Q đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trịnh Xuân N.

[2]- Về con chung: 01 con chung tên Trịnh Thị Thanh T, sinh năm 2008 hiện đơn sống với chị Q. Tại bản khai ngày 19/4/2019, Cháu T có nguyện vọng sống chung với mẹ là Nguyễn Thị Tú Q

Theo quy định tại Điều 81 [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#) quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn như sau:

1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Xét thấy, việc anh tự nguyện giao cháu Trịnh Thị Thanh T cho chị Q nuôi dưỡng và anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q về việc nuôi cháu Trúc sau khi ly hôn và ghi nhận sự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Nghi..

[3] - *Về tài sản chung và nợ chung*: do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] - *Về án phí dân sự sơ thẩm*: căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh Trịnh Xuân Nghi nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trịnh Xuân N và chị Nguyễn Thị Tú Q ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Tú Q được quyền nuôi con Trịnh Thị Thanh T sinh năm 2008 sau khi ly hôn (chị Q hiện đang nuôi con). Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh N. Anh Trịnh Xuân N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trịnh Thị Thanh T đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Tú Q và các thành viên trong gia đình chị Q không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

. - *Về tài sản chung và nợ chung*: không xem xét giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: anh Trịnh Xuân N nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí anh Trịnh Xuân N đã nộp 300.000 đồng ngày 15/02/2019 theo biên lai số 0005797 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C sẽ được chuyển thành án phí anh N phải nộp.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn; báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Các đương sự
- THA huyện Châu Thành.
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOạ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hùng